



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

Mô đun Số máy

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	01		7,5	01	Anh	HP 01
2	000002	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	01		9,0	02	Dương	HP 02
3	000003	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	01		8,0	03	Hùng	03
4	000004	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	01		3,0	04	Liên	04
5	000005	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	01		7,5	05	Ngân	05
6	000006	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	01		9,5	06	Tâm	06
7	000007	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	01		7,5	07	Thảo	07
8	000008	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	01		9,0	13	Trang	HP 09
9	000009	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	01		8,5	12	Anh	10
10	000010	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	01		8,0	11	Hà	37
11	000011	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	01		6,5	08	Hùng	13
12	000012	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	01					ĐK
13	000013	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	01		5,0	09	Anh	HP 14
14	000014	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	01		4,0	010	Vanh	HP 16
15	000015	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	01		9,0	14	Bích	17
16	000016	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	01		9,5	15	Mai	18
17	000017	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	01		5,5	307	Hạnh	36
18	000018	1001021012	Hoàng Hương	Lý	02/12/2004	KD10E	01		5,0	16	Lý	20
19	000019	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	01		8,5	17	Lâm	21
20	000020	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	01		8,0	18	My	22
21	000021	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	01		9,0	19	Nhi	23
22	000022	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	01		9,0	20	Thi	24
23	000023	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	01		9,0	21	Trang	HP 29
24	000024	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	01		8,5	22	Giang	30
25	000025	0810210177	Đặng Thế	Vũ	27/07/2002	KD8D	01		7,0	23	Vũ	31
26	000026	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	01		6,5	24	Hà	32
27	000027	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	01					ĐK
28	000028	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	01		7,0	285	Hà	HP
29	000029	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	01		8,5	26	Ninh	26
30	000030	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	01					HP
31	000031	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	01		6,0	28	Linh	34

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 31

Ngày 13 tháng 9 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Phạm Việt Cường